

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HS-ST
Ngày: 29/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D – TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín,
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành,
2. Ông Đỗ Công Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D – tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2021/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/HSST-QĐ ngày 22/6/2021, Thông báo dời ngày xét xử vụ án hình sự ngày 05/7/2021, ngày 26/7/2021 và ngày 18/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/HSST-QĐ ngày 20/9/2021, đối với các bị cáo:

1. Hồ Tấn N (tên gọi khác: Út L), sinh năm 1987 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú (sau đây viết tắt là nơi ĐKNKTT) và chỗ ở: Thôn 1, xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ T (tên gọi khác: Hồ Tấn T, sinh năm 1957, đã chết) và bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1954, đã chết); có vợ nhưng chưa đăng ký kết hôn, có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Công an xã Diên P xử phạt 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số 03/QĐ-XPHC ngày 06/4/2012; Hồ Tấn N bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 1 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” – Bản án số 127/2013/HSPT ngày 16/4/2013, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2014, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 02/8/2018.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

2. Hồ Chí T (tên gọi khác: Cu A), sinh năm 1992 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 1, xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Tấn Đ (sinh năm 1968) và bà Lê Thị Minh L (sinh năm 1968); vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Hồ Chí T bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 (Hai) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm – Bản án số 58/2014/HSPT ngày 18/4/2014, chấp hành xong các quyết định khác của bản án vào tháng 9/2015, chấp hành xong hình phạt và thời gian thử thách ngày 18/4/2018.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

3. Nguyễn Đức H (tên gọi khác: H Nóc), sinh năm 1980 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Trung Nam, xã Diên Toàn, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Thợ hồ ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N (tên gọi khác: Nguyễn Văn N- đã chết) và bà Ngô Thị Đ (sinh năm 1948); vợ: Lý Thị Mộng T (sinh năm 1984), có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Tòa án nhân dân huyện D xử phạt Hồ Tấn N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” – Bản án số 25 HS/ST ngày 21/09/2001, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/08/2002, chấp hành xong các quyết định khác của bản án vào tháng 9/2010.

- Tòa án nhân dân huyện K xử phạt Nguyễn Đức H 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” – Bản án số 02/HSST ngày 22/4/2003, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/07/2003, chấp hành xong các quyết định khác của bản án vào tháng 9/2009.

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 (Hai) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” – Bản án số 199/PT ngày 17/9/2007, bản án số 99/2007/HSST ngày 30/5/2007 của Tòa án nhân dân thị xã C, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/08/2008, chấp hành xong các quyết định khác của bản án vào tháng 3/2008.

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Đánh bạc*” – Bản án số 183/HSPT ngày 27/10/2011, bản án số 29/2011/HSST ngày 30/8/2011, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/04/2013, chấp hành xong các quyết định khác của bản án vào ngày 13/4/2014.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

4. Lê Thị H1, sinh năm 1964 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 2, xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê B (đã chết) và bà Phan Thị Đ (đã chết); chồng: Phạm N (đã chết); có 02 con (lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1985); tiền sự: Không; tiền án: Tòa án nhân dân

thành phố N xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 1 năm – Bản án số 227/2015/HS-ST ngày 04/11/2015, chấp hành xong hình phạt và thời gian thử thách ngày 04/11/2016, chấp hành xong phần dân sự về án phí ngày 24/9/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

5. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1969 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Số 36, đường Bờ S, thôn T, xã Vĩnh P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Giữ trẻ; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã chết); chồng: Đặng T (đã chết); có 03 con (lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

6. Lê Thị Thanh D (tên gọi khác: T), sinh năm 1970 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: Thôn 3, xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Phụ bếp, trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T (sinh năm 1946) và bà Lê Thị R (1950); Chồng: Lê Văn Th (sinh năm 1968); có 02 người con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Đỗ Thị Mai H** – sinh năm 1984

Địa chỉ: 40/10 Trần K, Vĩnh T, thành phố N, Khánh Hòa.

2. Bà **Nguyễn Phượng U** – sinh năm 1980

Địa chỉ: 53/3 Lý Thánh T, Lộc T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà **Võ Thị Kim L** – sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 2, xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

4. Bà **Võ Thị T** – sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Ngọc H, xã Vĩnh N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

5. Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn T, xã Vĩnh P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

6. Bà **Bùi Thị Hồng L** – sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã Vĩnh P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

7. Ông **Nguyễn Ngọc T** – sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn V, huyện Vạn N, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Ngọc H, xã Vĩnh N, thành phố N, Khánh Hòa.

8. Ông **Huỳnh Nguyễn N** – sinh năm 1983

Nơi ĐKNKTT: Thôn Phước L, xã Ninh Q, thị xã N, Khánh Hòa.

Chỗ ở: Thôn Đắc L, xã Vĩnh P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

9. Bà **Nguyễn Thị Kim H** – sinh năm 1973
Địa chỉ: Đắc L, xã Vĩnh P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
10. Bà **Lê Thị Thanh N** – sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn Đắc L, xã Vĩnh P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
11. Bà **Nguyễn Thị Xuân H** – sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn Đắc L, xã Vĩnh P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
12. Bà **Nguyễn Thị Thùy T** – sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn 1, xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
13. Bà **Nguyễn Thị Minh T** – sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn 1, xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
14. Bà **Nguyễn Thị Hồng S** – sinh năm 1966
Địa chỉ: Tổ 10, thôn Võ C, Vĩnh T, thành phố N, Khánh Hòa.
15. Bà **Huỳnh Thị D** – sinh năm 1978
Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Cam P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
16. Bà **Trương Thị T** – sinh năm 1966
Địa chỉ: Bình T, Phường Vĩnh T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
17. Bà **Nguyễn Nữ Tố T** – sinh năm 1993
Địa chỉ: Ngọc H, xã Vĩnh N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
18. Bà **Trần Thị Ngọc P** – sinh năm 1978
Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Ninh S, Ninh H, tỉnh Ninh Thuận.
19. Bà **Trương Thị D** – sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn Phú T, xã Vĩnh T, thành phố N, Khánh Hòa.
20. Bà **Ngô Thị O** – sinh năm 1965
Địa chỉ: Thôn 2, xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
20. Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1971
Địa chỉ: Thôn V, xã Vĩnh T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
21. Ông **Nguyễn Văn D** – sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn 1, xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

** Người làm chứng:*

1. Bà **Đinh Thị H** – sinh năm 1964;
Địa chỉ: Tổ 19 Trường P, Vĩnh P, thành phố N, Khánh Hòa.
2. Bà **Nguyễn Thị Ánh T** – sinh năm 1966;
Địa chỉ: Thuận M, xã Ninh Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
3. Bà **Võ Thị Mỹ D** – sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn 1, xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
4. Bà **Nguyễn Thị Mỹ L** – sinh năm 1964;

Địa chỉ: 56 Hòa T, Vĩnh H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

5. Ông **Ngô Tiến K** – sinh năm 1987

Địa chỉ: Phú Khánh H, xã Diên T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

6. Ông **Ngô Thanh H** – sinh năm 1992

Địa chỉ: Phú Khánh H, xã Diên T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 3/2019, Hồ Tấn N đến khu vực đất nghĩa trang (thuộc thôn 1, xã Diên P, huyện D do Ủy ban nhân dân xã Diên P quản lý), nhờ ông Nguyễn Văn D cùng phát dọn các bụi tre và mua một số vật dụng (chiếu, ghế...) để tổ chức cho những người tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, thắng thua bằng tiền và thu tiền xâu. Để tổ chức cho việc đánh bạc, N sử dụng 01 chén sứ, 01 đĩa sứ và 04 hột vị tròn cắt ra từ lá bài Tây có hai mặt (01 mặt màu trắng, 01 mặt màu xanh). Thời gian đầu, bị cáo N thuê ông Nguyễn Văn D thu tiền xâu đến giữa tháng 3/2019 thì D không làm nữa. Tối ngày 26/4/2019, N gặp Hồ Chí T và thuê T đến sông bạc cùng N để quản lý và thu tiền xâu, tổ chức cho sông bạc hoạt động khoảng từ 13 giờ đến 16 giờ các ngày cuối tuần. Hồ Tấn N quy định: Những người chơi đánh bạc không phải đóng tiền vào sông nhưng phải đóng tiền xâu 5 % trên tổng số tiền thắng cược mà họ nhận được, khi lượt xóc ra mặt lẻ 03 hột vị màu trắng và 01 hột vị màu xanh.

Khoảng 14 giờ ngày 29/4/2019, N không trực tiếp đến sông bạc mà thuê T quản lý và thu tiền xâu, khi sông bạc do N tổ chức đang hoạt động, thì bị Công an huyện D phát hiện, bắt quả tang. Một số người bỏ chạy khỏi khu vực này khi Công an đến, 28 người còn lại có mặt tại sông bạc và thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.830.000 đồng (Bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) cùng dụng cụ để tổ chức cho việc đánh bạc gồm: 01 bộ chén đĩa sứ màu trắng, 02 tấm bìa giấy vỏ thùng bia Sài Gòn vẽ hình tròn.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Đức H đến sông bạc để trả tiền nợ cho bà Nguyễn Thị Ánh T, những người chơi đánh bạc nhờ H cầm chén xóc đĩa để họ đặt cược, khi thắng cược H được các người thắng cược cho tiền (không quy định mức cho). Ngày 29/4/2019, H được những người thắng bạc cho 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Trong số những người tham gia đánh bạc có Lê Thị H1 (có tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích) sử dụng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 6 – 7 ván không liên tục thua 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng), **thu trên người Lê Thị H1 180.000 đồng (Một trăm tám mươi nghìn đồng)** sẽ được dùng đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Thị H2 đặt cược số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng), **thu giữ trên người của bị cáo H2 410.000 đồng sẽ được dùng đánh bạc.** Bị cáo Lê Thị Thanh D đặt cược số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), thu giữ trên người của bị cáo D 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung.

Số tiền, hiện vật thu giữ trên người của những người tham gia đánh bạc: bà Lê Thị Thanh N 410.000 đồng (Bốn trăm mười nghìn đồng) sẽ được dùng đánh bạc, bà Đỗ Thị Mai H 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) sẽ được dùng đánh bạc, bà Võ Thị Kim L 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó 40.000 đồng (Bốn mươi nghìn đồng) sẽ được dùng đánh bạc, bà Võ Thị T 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) sẽ được dùng đánh bạc và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 10 màu bạc, bà Nguyễn Thị H2 (sinh năm: 1954) 2.189.000 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng), trong đó có 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) sẽ được dùng đánh bạc, ông Huỳnh Nguyễn N 2.080.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) sẽ được dùng đánh bạc, bà Nguyễn Thị Xuân H 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó có 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) sẽ được dùng đánh bạc, bà Trương Thị T 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) sẽ được dùng đánh bạc, bà Nguyễn Thị H 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng) sẽ được dùng đánh bạc và 01 điện thoại nhãn hiệu Goly màu xanh. Bà Bùi Thị Hồng L mang theo 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) để đánh bạc, đã thua hết. Ông Nguyễn Ngọc T mang theo 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc, đã thua hết, thu trên người 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu vàng. Bà Nguyễn Thị Kim H1 mang theo 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc, đã thua hết; bà Nguyễn Thị Thùy T mang theo 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc, đã thua hết. Bà Nguyễn Phượng U sử dụng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc đã thua hết và có mang theo 23.524.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng) bị tạm giữ là tiền không sử dụng để đánh bạc. Bà Nguyễn Thị Minh T mang theo 560.000 đồng (Năm trăm sáu mươi nghìn đồng) để đánh bạc, thua 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng), còn lại 210.000 đồng (Hai trăm mười nghìn đồng) làm rơi trên chiếu bạc khi thấy Công an đến kiểm tra. Bà Nguyễn Thị Hồng S mang theo 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng) để đánh bạc, thua 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), còn 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng) làm rơi trên chiếu bạc khi thấy Công an đến kiểm tra. Bà Huỳnh Thị D cầm trên tay 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) sử dụng để đánh bạc khi thấy Công an kiểm tra thì ném số tiền này xuống chiếu bạc.

Số tiền tại chiếu bạc: 7.830.000 đồng (Bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ trên chiếu bạc tại ván xóc đĩa cuối cùng khi bị bắt có các khoản tiền sau: 50.000 đồng của bị cáo H2 và 200.000 đồng của bị cáo D đặt cược ván cuối cùng, 120.000 đồng của bà S và 210.000 đồng của bà T làm rơi trên chiếu bạc, 1.700.000 đồng của bà D ném xuống chiếu bạc, còn 5.550.000 đồng không xác định được là tiền của ai trên chiếu bạc.

Số tiền những người đánh bạc sẽ dùng đánh bạc: 180.000 đồng của bị cáo H1 + 410.000 đồng của bị cáo H2 + 410.000 đồng của bà Lê Thị Thanh N + 850.000 đồng của bà Đỗ Thị Mai Hg + 40.000 đồng của bà Võ Thị Kim L + 100.000 đồng của bà Võ Thị T + 200.000 đồng của bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1954) + 2.080.000 đồng của ông Huỳnh Nguyễn N + 400.000 đồng của bà Nguyễn Thị Xuân H + 1.300.000

đồng của bà Trương Thị T + 30.000 đồng của bà Nguyễn Thị H = 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng);

Số tiền không dùng đánh bạc: 5.000.000 đồng của bà Võ Thị Kim L + 1.989.000 đồng của bà Võ Thị H (sinh năm 1954) + 5.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Xuân H + 23.524.000 đồng của bà Nguyễn Phụng U = 35.513.000 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm mười ba nghìn đồng).

Khi sòng bạc bị Công an huyện D bắt quả tang, Hồ Chí T đã thu được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền xu và chạy khỏi địa điểm đánh bạc nêu trên, T đưa số tiền này cho Hồ Tấn N và nói lại sự việc cho N biết. Đến ngày 02/5/2019, T và N đến trình diện tại Công an huyện D và khai nhận trong các ngày 27 và 28 tháng 4 năm 2019 có tổ chức xóc đĩa thu được 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền xu, tuy nhiên quá trình điều tra không xác định được số người tham gia đánh bạc, số tiền đánh bạc trong hai ngày này.

Công an huyện D thu trên người của bà Trương Thị D 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng), bà Ngô Thị O 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), bà Đinh Thị H 43.609.000 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm lẻ chín nghìn đồng) và 01 điện thoại Nokia, bà Nguyễn Nữ Tô T 597.000 đồng (Năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng) và bà Trần Thị Ngọc P 35.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn đồng). Những người này đến sòng bạc để bán nước, đòi nợ, tìm người nhà và họ không tham gia đánh bạc nên số tiền nêu trên không sử dụng để đánh bạc.

Số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã nộp tại Cơ quan Điều tra: Hồ Tấn N đã giao nộp 800.000 đồng + 1.000.000 đồng + 2.000.000 đồng = 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền xu thu được của các ngày 27, 28 và ngày 29/4/2019. Hồ Chí T giao nộp 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền công do T nhận được từ N của ngày 27 và ngày 28 tháng 4 năm 2019, Nguyễn Đức H giao nộp 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền do những người thắng bạc cho N khi xóc đĩa.

Cơ quan điều tra đã trả lại tiền và các tài sản không sử dụng vào mục đích đánh bạc: Trả cho bà Võ Thị T 01 điện thoại Iphone 10 màu bạc, bà Nguyễn Phụng U 23.524.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng), bà Đinh Thị H 43.609.000 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm lẻ chín nghìn đồng) và 01 điện thoại Nokia, bà Nguyễn Thị Ánh T 39.500.000 đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), bà Võ Thị Mỹ D 115.400.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng), bà Đỗ Thị Mai H 8.850.000 đồng (Tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) và xe mô tô biển kiểm soát 79Z1 – 254.41 của bà Huỳnh Thị D.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Hồ Tấn N, Hồ Chí T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị H2, Lê Thị Thanh D và Lê Thị H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Bản Cáo trạng số 11/CT-VKSDK ngày 19/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D có các nội dung:

- Truy tố bị cáo Hồ Tấn N, bị cáo Hồ Chí T và bị cáo Nguyễn Đức H về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm a khoản 01 Điều 322 của Bộ luật hình sự;

- Truy tố bị cáo Lê Thị H1, bị cáo Nguyễn Thị H2 và bị cáo Lê Thị Thanh D về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 01 Điều 321 của Bộ luật Hình sự;

- Đối với những người tham gia đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng, không tham gia đặt cược ván cuối nên không đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Điều tra Công an huyện D đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể: bà Đỗ Thị Mai H, bà Nguyễn Phương U, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị T, bà Nguyễn Thị H (sinh năm: 1954), bà Bùi Thị Hồng L, ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị H, ông Huỳnh Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Lê Thị Thanh N, bà Nguyễn Thị Xuân H, bà Nguyễn Thị Thùy T, bà Nguyễn Thị Minh T, bà Nguyễn Thị Hồng S, bà Huỳnh Thị D, bà Trương Thị T.

- Ông Nguyễn Văn D là người giúp Hồ Tấn N cảnh giới khi sòng bạc hoạt động vào đầu tháng 3/2019 đến giữa tháng 3/2019 thì ông D không làm nữa. Quá trình điều tra không xác định được số tiền đánh bạc, số người chơi đánh bạc trong thời gian này nên không đủ căn cứ xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn D. Cơ quan Điều tra Công an huyện D đã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Sau đó, do quá thời hạn nên không xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nêu trên của ông Nguyễn Văn D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố theo bản Cáo trạng và đề nghị:

- Áp dụng điểm a khoản 01 Điều 322, điểm s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hồ Tấn N, bị cáo Hồ Chí T, đề nghị:

Xử phạt: Bị cáo Hồ Tấn N từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Chí T từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 01 Điều 322, điểm s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức H, đề nghị xử phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Đức H, từ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đến 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) về tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 01 Điều 321, điểm s khoản 01 Điều 51, Điều 58 đối với bị cáo Lê Thị H1, đề nghị xử phạt bị cáo H1 từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng khoản 01 Điều 321; điểm i, s khoản 01 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 đối với bị cáo Nguyễn Thị H2, bị cáo Lê Thị Thanh D, đề nghị xử phạt bị cáo H2, bị cáo D từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng dùng để đánh bạc. Tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền đã đánh bạc, sẽ đánh bạc và tiền thu lợi bất chính là 19.430.000 đồng (Mười chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Trả lại 03 chiếc điện thoại và số tiền thu giữ trên người nhưng không sử dụng vào việc đánh bạc là 14.071.000 đồng (Mười bốn triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng) cho các chủ sở hữu.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đều hối hận về hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Mai H, bà Nguyễn Phượng U, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị T, bà Nguyễn Thị H (Sinh năm: 1954), bà Bùi Thị Hồng L, ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị H, ông Huỳnh Nguyễn N, bà Lê Thị Thanh N, bà Nguyễn Thị Xuân H, bà Nguyễn Thị Thùy T, bà Nguyễn Thị Minh T, bà Nguyễn Thị Hồng S, bà Huỳnh Thị D, bà Trương Thị T, bà Đinh Thị H, bà Nguyễn Nữ Tố T, bà Trần Thị Ngọc P, bà Trương Thị D, bà Ngô Thị O và những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai tại Cơ quan Điều tra nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3]. Các bị cáo khai nhận quá trình thực hiện hành vi “*Tổ chức đánh bạc*” và hành vi “*Đánh bạc*” đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố. Ngày 29/4/2019, bị cáo Hồ Tấn N, bị cáo Hồ Chí T, bị cáo Nguyễn Đức H đã thực hiện hành vi “*Tổ chức đánh bạc*” từ mười người trở lên trong cùng một lúc với số tiền đánh bạc thu giữ trên chiếu bạc tại ván xóc đĩa cuối cùng là 7.830.000 đồng (Bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng), số tiền sẽ được dùng đánh bạc là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), số tiền thu lợi bất chính trong ngày là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng). Các bị cáo nêu trên đã tổ chức cho bị cáo Lê Thị H1, bị cáo Nguyễn Thị H2, bị cáo Lê Thị Thanh D và 17 người khác cùng tham gia đánh bạc.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên bản Cáo trạng số 11/CT – VKSDK ngày 19/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D là có căn cứ, đúng pháp luật, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hồ Tấn N, bị cáo Hồ Chí T và bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Thị H1, bị cáo Nguyễn Thị H2 và bị cáo Lê Thị Thanh D phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét vai trò, mức độ tham gia phạm tội và nhân thân của các bị cáo: Ngày 29 tháng 4 năm 2019, bị cáo Hồ Tấn N đã tổ chức cho những người khác tham gia đánh bạc trái phép. Bị cáo Hồ Chí T và bị cáo Nguyễn Đức H đã giúp sức cho bị cáo Hồ Tấn N thực hiện hành vi “*Tổ chức đánh bạc*” cho những người tham gia “*Đánh bạc*” là bị cáo Lê Thị H1, bị cáo Nguyễn Thị H2, bị cáo Lê Thị Thanh D cùng 17 người khác tham gia đánh bạc (17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên đã tham gia đánh bạc với số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, không tham gia đặt cược ván cuối cùng tại chiều bạc nên chưa đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan Điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

Hành vi “*Tổ chức đánh bạc*” và hành vi “*Đánh bạc*” của các bị cáo nêu trên là nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng là một trong những khách thể quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương, đây là một tệ nạn xã hội mà pháp luật nghiêm cấm, cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh những tệ nạn xã hội khác nên cần phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo là trước ngày 29/4/2019 có đến khu vực đất nghĩa trang thuộc thôn 1, xã Diên P để chơi đánh bạc. Bị cáo N có nộp tiền thu lợi bất chính của ngày 27/4/2019 và ngày 28/4/2019 là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng), bị cáo Hồ Chí T có nộp tiền thu lợi bất chính là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) do N trả công cho T của hai ngày nêu trên nhưng không xác định cụ thể về thời gian, số tiền đánh bạc, số người tham gia chơi đánh bạc và số chiều bạc nên không đủ căn cứ xác định về tình tiết phạm tội nhiều lần đối với các bị cáo.

- Đối với bị cáo Hồ Tấn N và bị cáo Hồ Chí T: Bị cáo N có hành vi “*Tổ chức đánh bạc*”, là người tổ chức, chủ mưu, chủ động phát dọn các bụi tre tại khu đất nghĩa trang (thuộc xã Diên P, huyện D), chuẩn bị công cụ để tổ chức cho những người khác tham gia đánh bạc, thuê bị cáo T thu tiền xâu. Bị cáo Hồ Chí T trực tiếp quản lý và thu tiền xâu tại sòng bạc cho bị cáo N và nhận tiền công mỗi ngày 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nên có hành vi “*Tổ chức đánh bạc*” với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo N. Bị cáo N và bị cáo T có nhân thân xấu. Tuy nhiên, hai bị cáo không có tiền

án và tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính, cần áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo này, giảm cho bị cáo N và bị cáo T một phần hình phạt, cần cách ly khỏi xã hội một thời gian và xử phạt bị cáo N hình phạt cao nhất so với các bị cáo khác trong vụ án, xử phạt bị cáo T mức hình phạt thấp hơn bị cáo N là phù hợp.

Bị cáo Hồ Tấn N và bị cáo Hồ Chí T không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với hai bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 322 của Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đức H: Bị cáo Hồ Tấn N không thuê bị cáo Nguyễn Đức H thực hiện việc xóc đĩa mà những người xóc đĩa đã nhờ bị cáo H cầm chén xóc đĩa cho họ chơi đánh bạc, người nào thắng trong ván sẽ cho bị cáo H tiền (không quy định mức cho). Do đó, bị cáo Nguyễn Đức H là người đã giúp sức cho hành vi “*Tổ chức đánh bạc*” của bị cáo Hồ Tấn N để cho các bị cáo trong vụ án và những người khác thực hiện hành vi “*Đánh bạc*” nhưng vai trò đồng phạm của bị cáo H ở mức độ thấp hơn so với bị cáo T. Bị cáo Nguyễn Đức H có nhân thân xấu. Tuy nhiên, bị cáo H không có tiền án và tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính, có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định, nên áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự, cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt và xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H hình phạt tiền về tội “*Tổ chức đánh bạc*” cũng đủ răn đe và giáo dục bị cáo.

- Đối với các bị cáo thực hiện hành vi “*Đánh bạc*”:

Bị cáo Nguyễn Thị H1 còn tiền án do chưa nộp tiền án phí theo quy định. Bị cáo H1 không tham gia đặt cược ván xóc đĩa cuối cùng, có số tiền đánh bạc 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); bị cáo Lê Thị Thanh D đặt cược tại ván xóc đĩa cuối cùng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Thị H2 có số tiền đánh bạc là 460.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó đặt cược tại ván xóc đĩa cuối cùng 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo, áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo H2 và bị cáo D, cần giảm cho bị cáo Nguyễn Thị H1, bị cáo Nguyễn Thị H2 và bị cáo Lê Thị Thanh D một phần hình phạt và xử phạt các bị cáo hình phạt tiền với mức phạt ngang nhau cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo.

[5]. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ 01 (một) bộ chén, đĩa sứ màu trắng và 02 (hai) tấm bìa giấy vỏ thùng bia Sài Gòn vẽ hình tròn là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị nên tịch thu, tiêu hủy các vật chứng

01 (một) điện thoại nhãn hiệu Sam Sung thu trên người của Lê Thị Thanh D, 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Oppo màu vàng thu trên người của Nguyễn Ngọc T và 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Goly màu xanh thu trên người của Nguyễn Thị H. Các

chủ sở hữu không sử dụng các điện thoại này để thực hiện hành vi đánh bạc nên cần trả lại các điện thoại nêu trên.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 08/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D).

+ Đối với số tiền 19.430.000 đồng + 14.071.000 đồng = 33.501.000 đồng (Ba mươi ba triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng): đang tạm giữ 32.651.000 đồng theo “Giấy nộp tiền vào tài khoản” ngày 13/8/2020, nộp vào tài khoản số 3949.0.9042404.0000, đơn vị nhận tiền: Công an huyện D (BL 432) và 850.000 đồng theo “Giấy nộp tiền vào tài khoản” ngày 29/12/2020, nộp vào tài khoản số 3949.0.9042404, đơn vị nhận tiền: Công an huyện D (BL688).

- Số tiền đánh bạc và thu lợi bất chính: 7.830.000 đồng + 6.000.000 đồng + 3.800.000 đồng + 600.000 đồng + 1.200.000 đồng = 19.430.000 đồng (Mười chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) đã tạm giữ là tiền đánh bạc, tiền thu lợi bất chính nên tịch, thu nộp vào ngân sách Nhà nước toàn bộ các khoản tiền nêu trên. Cụ thể: Tiền trên chiếu bạc tại ván xóc đĩa cuối cùng 7.730.000 đồng, 6.000.000 đồng tiền sẽ dùng để đánh bạc 3.800.000 đồng tiền thu lợi bất chính của bị cáo N, 600.000 đồng tiền thu lợi bất chính của bị cáo T và 1.200.000 đồng tiền thu lợi bất chính của bị cáo H.

- Số tiền không sử dụng để đánh bạc: 5.000.000 đồng + 1.989.000 đồng + 5.000.000 đồng + 35.000 đồng + 850.000 đồng + 600.000 đồng + 597.000 đồng = 14.071.000 đồng (Mười bốn triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng) do thu giữ trên người của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, quá trình điều tra xác định họ không sử dụng các khoản tiền đã tạm giữ để dùng vào mục đích đánh bạc. Do đó, trả lại các khoản tiền này cho các chủ sở hữu sau: bà Võ Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H (1954), bà Nguyễn Thị Xuân H, bà Trần Thị Ngọc P, bà Trương Thị D, bà Ngô Thị O, bà Nguyễn Nữ Tố T.

[6]. Về án phí: Bị cáo Hồ Tấn N, bị cáo Hồ Chí T, bị cáo Nguyễn Đức H, bị cáo Lê Thị H, bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Lê Thị Thanh D mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 01 Điều 322, điểm s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hồ Tấn N, bị cáo Hồ Chí T, bị cáo Nguyễn Đức H.

Căn cứ khoản 01 Điều 321, điểm s khoản 01 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thị H1, bị cáo Nguyễn Thị H2, bị cáo Lê Thị Thanh D. Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H2, Lê Thị Thanh D.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự. Áp dụng Điều 106, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo Hồ Tấn N 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Xử phạt bị cáo Hồ Chí T 01 (Một) năm tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi hành án.

1.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) về tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

1.4. Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) về tội “*đánh bạc*”.

1.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) về tội “*đánh bạc*”.

1.6. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh D 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) về tội “*đánh bạc*”.

2. Về vật chứng vụ án:

2.1. Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng: 01 bộ chén đĩa sứ màu trắng, 02 tấm bìa giấy vỏ thùng bìa sài gòn vẽ hình tròn đã qua sử dụng.

Trả lại cho bà Lê Thị Thanh D 01 điện thoại di động SamSung. Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T 01 điện thoại di động Oppo. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động hiệu Goly.

Các vật chứng nêu trên theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 08/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

2.2. Về các khoản tiền đang tạm giữ:

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước 19.430.000 đồng (Mười chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)

- Trả lại cho chủ sở hữu số tiền 14.071.000 đồng thu giữ trên người nhưng không sử dụng để đánh bạc, cụ thể:

Trả lại cho bà Võ Thị Kim L 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H (1954) 1.989.000 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân H 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Trả lại cho bà Trần Thị Ngọc P35. 000 đồng (Ba mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Trương Thị D 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại cho bà Ngô Thị O 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Nữ Tổ T 597.000 đồng (Năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Các khoản tiền nêu trên tạm giữ theo “Giấy nộp tiền vào tài khoản” ngày 13/8/2020 nộp vào tài khoản số 3949.0. 9042404.0000, đơn vị nhận tiền: Công an huyện D (BL 432) và “Giấy nộp tiền vào tài khoản” ngày 29/12/2020 nộp vào tài khoản số 3949.0.9042404, đơn vị nhận tiền: Công an huyện D (BL688).

3. Về án phí: Bị cáo Hồ Tấn N, bị cáo Hồ Chí T, bị cáo Nguyễn Đức H, bị cáo Lê Thị H1, bị cáo Nguyễn Thị H2 và bị cáo Lê Thị Thanh D2 mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Hồ Tấn N, bị cáo Hồ Chí T, bị cáo Nguyễn Đức H, bị cáo Lê Thị H1, bị cáo Nguyễn Thị H2, bị cáo Lê Thị Thanh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày niêm yết hoặc ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Huỳnh Thị Tín

